

SP Caster

Catalog



GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BÁNH XE LOẠI SP

Bánh xe loại SP được thiết kế cho khách hàng trong nước, và được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng theo hệ thống tiêu chuẩn của ICMW (Hiệp hội các hãng sản xuất bánh xe đầy của Hoa Kỳ).

Các đặc tính chính

1. Hình dáng đẹp
2. Dễ lăn, lăn êm và bảo vệ mặt nền
3. Tính năng làm việc tốt, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và chất lượng cao
4. Giá thành phù hợp

Hiện tại, hãng Colson đang sản xuất bánh xe loại SP dùng cho tải trọng trung bình và nặng.

Kích thước bánh xe (mm): 75, 90, 100, 125, 150 và 200

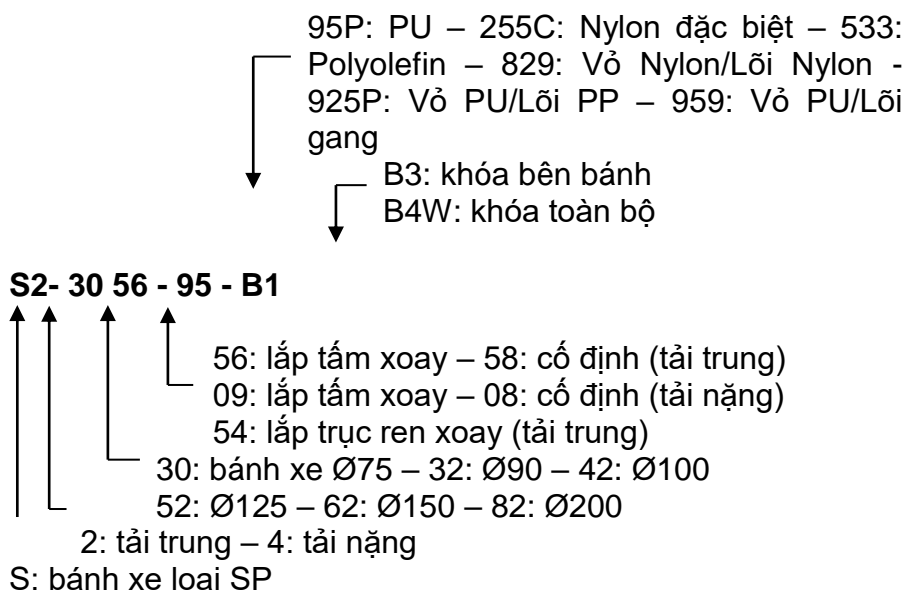
Kiểu lắp: Lắp tám và trục ren

Kiểu khóa bánh: Khóa bên bánh và khóa toàn bộ

Vật liệu bánh xe: Polyurethane, Nylon, Nylon đặc biệt, Polyurethane với lõi gang, lõi PP

Kiểu ổ bánh xe: Ổ Delrin và ổ bi

Giải thích ký hiệu Model No của bánh xe





Bánh xe đẩy Colson

■ Làm thế nào để chọn đúng loại bánh xe đẩy

Chẳng có công thức hay quy tắc nào đúng để lựa chọn bánh xe đẩy. Có nhiều yếu tố phải xem xét để chọn được đúng loại bánh xe đẩy phù hợp với công việc của bạn. Dưới đây là các yếu tố quan trọng nhất.

Tải Trọng	Tải càng nặng, bánh xe càng lớn. Tải trọng cũng ảnh hưởng đến tình dễ lăn của bánh xe. Ổ đĩa hoặc ổ Bi được khuyến cáo cho tải trên 200kg. Tải trọng cho mỗi bánh xe đẩy được hiện thị trong Catalog này.
Mặt sàn lăn	Phải chắc rằng bánh xe bạn chọn đủ lớn để lăn qua được các vết nứt trên sàn nhà, đường ray, đường gờ và các vật cản khác. Mặt sàn được bảo vệ bởi thảm, gạch lát, vải nhựa. v.v hãy chọn lựa bánh xe PU (Polyurethane) hoặc bánh xe cao su Performa.
Môi trường làm việc	Mỗi loại vật liệu bánh xe có chất lượng tương thích và phù hợp với môi trường làm việc khác nhau. Thí dụ : khi có hơi acid, dầu nhớt, hóa chất, và các điều kiện khác có hại cho cao su, hãy chọn bánh xe PU, PP, Phenolic hoặc thép. Kiểm tra môi trường làm việc trước sau đó hãy chọn bánh xe phù hợp
Dễ lăn	Đường kính bánh xe càng lớn, càng dễ lăn. Ổ đĩa đúng cho tải nặng. Ổ bi dễ lăn hơn và đúng cho tải nhẹ. Khi nào có điều kiện, sử dụng bánh xe có ổ bi lớn nhất để có kết quả tốt nhất.
Điều kiện nhiệt độ khác nghiệt	Nhiệt độ phòng không có vấn đề gì đối với hầu hết các bánh xe. Nhưng nhiệt độ môi trường quá nóng hay quá lạnh gây ra trở ngại cho nhiều loại bánh xe. Bánh xe đẩy của Colson giúp giải quyết vấn đề này với mỡ chuyên dụng màu xanh "Colson 45" để đảm bảo bánh xe vẫn dễ lăn trong môi trường có nhiệt độ từ -43 độ C đến trên 85 độ C

■ Chọn đúng ổ lăn của bánh xe đẩy



Ổ Delrin®

Ổ làm bằng nhựa kỹ thuật Delrin của hãng DuPont, rất bền, chống ăn mòn trong khoảng nhiệt độ làm việc rộng, môi trường ẩm ướt.



Ổ bi chính xác

Ổ có rãnh lăn được tôi cứng và gia công chính xác. Dùng khi có yêu cầu dễ lăn và không ồn. Rất phù hợp với tải nhẹ và trung bình. Ổ được lắp sẵn thành cụm và sau đó lắp cố định với bánh xe



Ổ Đĩa

Khi có cùng cỡ với ổ bi, ổ đĩa chịu tải lớn hơn.
(Chú ý: ổ đĩa phải luôn luôn sử dụng bạc lót được tôi cứng.)



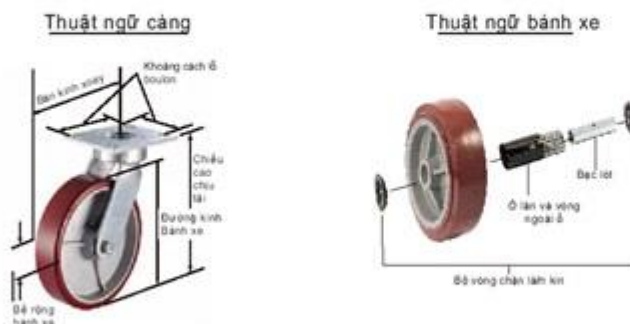
Ổ Bi

Ổ có rãnh lăn được tôi cứng và gia công chính xác. Dùng khi có yêu cầu rất dễ lăn và không ồn.



Ghi nhớ về bánh xe đẩy

Thuật ngữ càng và bánh xe đẩy



Hướng dẫn chọn vật liệu bánh xe

Đặt tính	Vật liệu bánh xe							
	Caosu Performa®	PU	Plastic	Nylon	Gang và Thép	Chịu nhiệt độ cao	Cao su	Type S Performa Rubber
Tải trọng (KG)	27~502	31~1905	31~408	100~1400	181~2040	270~450	55~502	60~100
Nhiệt độ(°C)	-43~85	-43~85	-43~85	-43~126	-56~180	-56~180	-43~85	-43~85
Độ cứng	65(±5)A	55(±5)D	65(±5)D	-	-	-	75(±5)A	85(±5)A
Tính dễ lăn	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt
Lăn không ồn	Rất tốt	Rất tốt	Ít ồn	Ít ồn	Ồn	Tốt	Rất tốt	Rất tốt
Bảo vệ mặt sàn	Rất tốt	Rất tốt	Ít ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Kém	Tốt	Rất tốt	Rất tốt
Để dầu trên sàn	Không	Không	Không	Không	-	Không	Để dầu	Không
Chịu va đập	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Tốt	Tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt
Chịu mài mòn	Rất tốt	Rất tốt	Trung bình	Tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt
Chịu nước	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Kém	Kém	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt
Chịu hóa chất	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt	Tốt	Tốt	Rất tốt	Kém	Rất tốt

Bảo hành

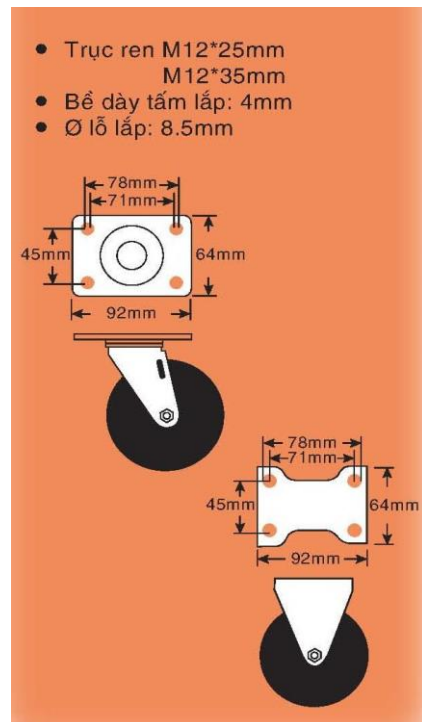
- Bánh xe Colson được bảo hành trong điều kiện sử dụng bình thường và đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm. Thời gian bảo hành là 12 tháng tính kể từ ngày giao hàng và hóa đơn. Bộ phận hư hỏng do nguyên nhân vật liệu hay lỗi sản xuất được sửa chữa hay thay thế miễn phí – Không bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và thay thế bánh xe.
- Colson sẽ không chịu trách nhiệm thêm về các hư hỏng tồn thất, các chi phí khác phát sinh do hậu quả của các thiết bị hư hỏng trong bảo hành.
- Việc bảo hành không áp dụng do lỗi người sử dụng gây ra.

Colson® Colson Casters



Tải trung

Lắp tấm: loại xoay & cố định Polyurethane
Lắp trục ren



Đặc tính

- Dễ lăn
- Lăn êm
- Bảo vệ mặt nền
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

- Khóa bên bánh
- Khóa toàn bộ

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 122 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
75	32	82	Polyurethane	Ổ Bi	S2-3056-95P	S2-3058-95P	0.72	105	68
					S2-3054-95P		0.60	108	
90		102			S2-3256-95P	S2-3258-95P	0.78	118	75
					S2-3254-95P		0.65	121	
100		122			S2-4256-95P	S2-4258-95P	0.84	131	82
					S2-4254-95P		0.75	135	
125		122			S2-5256-95P	S2-5258-95P	0.95	157	98
					S2-5254-95P		0.82	159	

Liên hệ : Huỳnh Hữu Nghĩa – Tel : 0932 097 794 – Email : kdcongnghiep@gmail.com
Website : <https://banhxeday.xyz/>

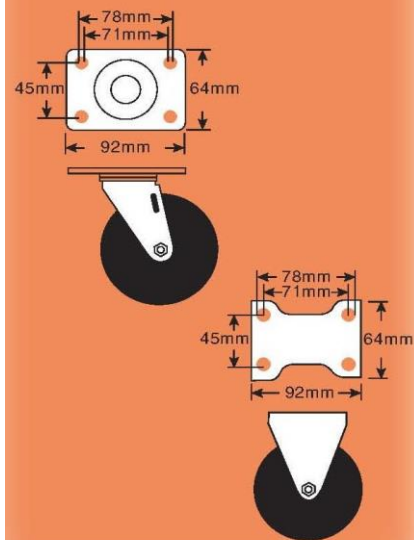


Tải trung

Lắp tấm: loại xoay & cố định Polyurethane
Lắp trục ren



- Trục ren M12*25mm
M12*35mm
- Bề dày tấm lắp: 4mm
- Ø lỗ lắp: 8.5mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Lăn êm
- Bảo vệ mặt nền
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

- Khóa bên bánh
- Khóa toàn bộ

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 122 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
75	32	82	Polyurethane	Ổ Bi	S2-3056-95P	S2-3058-95P	0.72	105	68
					S2-3054-95P		0.60	108	
90		102			S2-3256-95P	S2-3258-95P	0.78	118	75
					S2-3254-95P		0.65	121	
100		122			S2-4256-95P	S2-4258-95P	0.84	131	82
					S2-4254-95P		0.75	135	
125		122			S2-5256-95P	S2-5258-95P	0.95	157	98
					S2-5254-95P		0.82	159	

Liên hệ : Huỳnh Hữu Nghĩa – Tel : 0932 097 794 – Email : kdcongnghiep@gmail.com
Website : <https://banhxeday.xyz/>

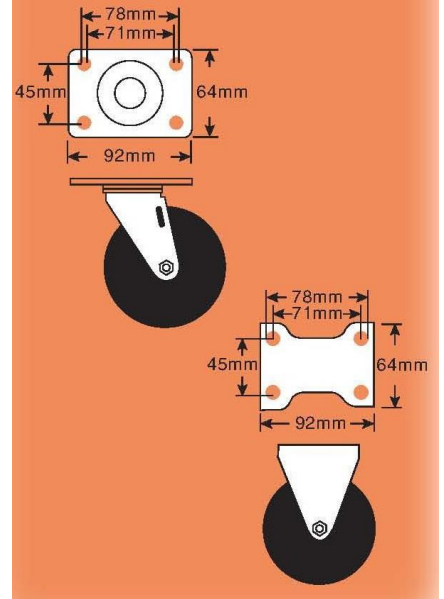


Tải trọng

Lắp tấm: loại xoay & cố định Nylon đặc biệt
Lắp trực ren



- Bề dày tấm lắp: 4mm
- Ø lỗ lắp: 8.5mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Lăn êm
- Bảo vệ mặt nền
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

- Khóa bên bánh
- Khóa toàn bộ

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 146 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
75	32	82	Nylon đặc biệt	Ổ Bi	S2-3056-255C	S2-3058-255C	0.71	105	68
					S2-3054-255C		0.59	108	
90		102			S2-3256-255C	S2-3258-255C	0.75	118	75
					S2-3254-255C		0.65	121	
100		122			S2-4256-255C	S2-4258-255C	0.80	131	82
					S2-4254-255C		0.70	135	
125		122			S2-5256-255C	S2-5258-255C	0.90	157	98
					S2-5254-255C		0.80	159	

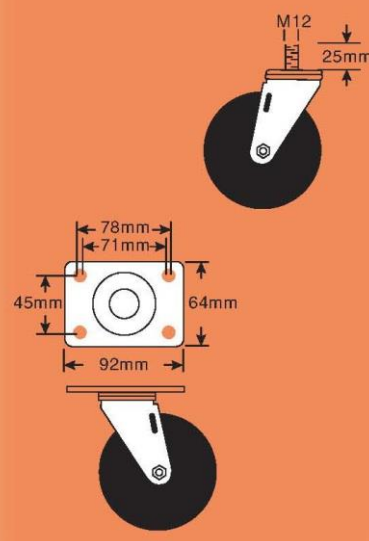


Tải trung

Lắp tấm: loại xoay & lắp trực ren
Khóa bên bánh Nylon đặc biệt & Polyurethane



- Trục ren M12*25mm
M12*35mm
- Bề dày tấm lắp: 4mm
- Ø lỗ lắp: 8.5mm



- **Đặc tính**
- Dễ lăn
- Lăn êm
- Bảo vệ mặt nền
- Chịu mài mòn, va đập

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 122 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh xe (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No	Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay			
75	32	82	Polyurethane	Ổ bi	S2-3056-95P-B1	0.80	105	68
			Nylon đặc biệt		S2-3054-95P-B1	0.70	108	
					S2-3054-255C-B1	0.68	105	
					S2-3056-255C-B1	0.78	105	
90		102	Polyurethane		S2-3256-95P-B1	0.90	118	75
			Nylon đặc biệt		S2-3254-95P-B1	0.77	121	
					S2-3254-255C-B1	0.74	118	
					S2-3256-255C-B1	0.84	118	
100	122	Polyurethane	S2-4256-95P-B1		0.93	131	82	
		Nylon đặc biệt	S2-4254-95P-B1		0.80	135		
			S2-4254-255C-B1		0.76	131		
			S2-4256-255C-B1		0.89	131		
125	122	Polyurethane	S2-5256-95P-B1		1.03	157	98	
		Nylon đặc biệt	S2-5254-95P-B1		0.90	159		
			S2-5254-255C-B1		0.85	157		
			S2-5256-255C-B1		1.00	157		

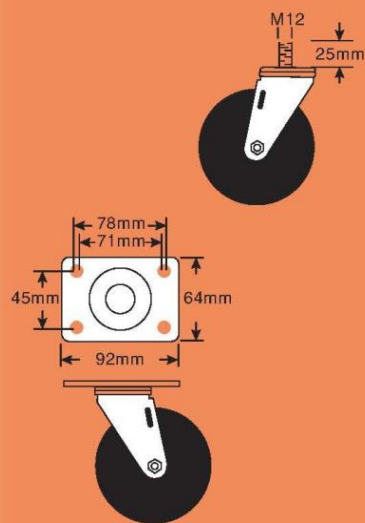


Tải trung

Lắp tấm: loại xoay & lắp trực ren
Khóa toàn bánh Nylon đặc biệt & Polyurethane



- Trục ren M12*25mm
M12*35mm
- Bề dày tấm lắp: 4mm
- Ø lỗ lắp: 8.5mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Lăn êm
- Bảo vệ mặt nền
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 122 kg

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No	Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay			
75	32	82	Polyurethane	Ổ bi	S2-3056-95P-B4W	0.86	105	68
		82	Nylon đặc biệt		S2-3054-255C-B4W	0.58	108	
90	32	102	Polyurethane		S2-3056-255C-B4W	0.68	105	75
			Nylon đặc biệt		S2-3256-95P-B4W	0.93	118	
		122	Polyurethane		S2-3254-95P-B4W	0.74	121	
			Nylon đặc biệt		S2-3254-255C-B4W	0.80	118	
100	32	122	Polyurethane		S2-3256-255C-B4W	0.90	118	82
			Nylon đặc biệt		S2-4256-95P-B4W	1.00	131	
		122	Polyurethane		S2-4254-95P-B4W	0.86	135	
			Nylon đặc biệt		S2-4254-255C-B4W	0.85	131	
125	32	122	Polyurethane		S2-4256-255C-B4W	0.95	131	98
			Nylon đặc biệt		S2-5256-95P-B4W	1.10	157	
		122	Polyurethane	S2-5254-95P-B4W	0.98	159		
			Nylon đặc biệt	S2-5254-255C-B4W	0.96	157		

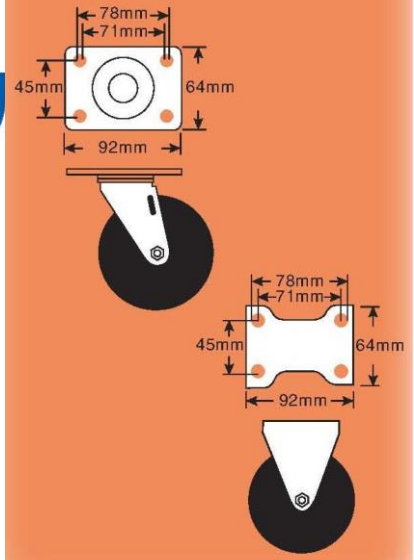


Tải trung

Lắp tấm: loại xoay & cố định Polyolefin



- Trục ren M12*25mm
M12*35mm
- Bề dày tấm lắp: 4mm
- Ø lỗ lắp: 8.5mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Lăn êm
- Bảo vệ mặt nền
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

- Khóa bên bánh
- Khóa toàn bộ

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 135 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ô lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
75	32	90	Polyolefin	Delrin	S2-3056-533	S2-3058-533	0.36	105	68
					S2-3054-533		0.59	108	
90		113			S2-3258-533	0.43	118	75	
						S2-3254-533	0.65		121
100		125			S2-4258-533	0.48	131	82	
						S2-4254-533	0.70		135
125		135			S2-5258-533	0.60	157	98	
						S2-5254-533	0.80		159

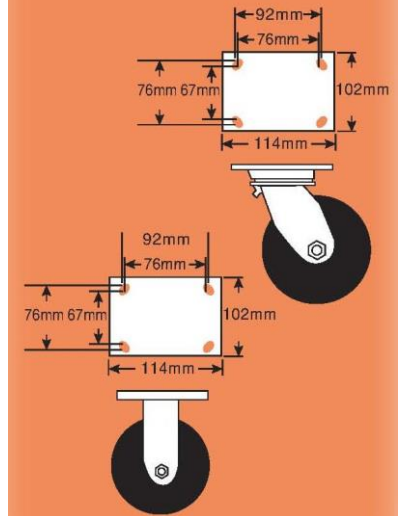


Tải nặng

Lắp tấm: loại xoay & cố định Nylon



- Bề dày tấm lắp: 6mm
- Ø lỗ lắp: 11.2mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Tải trọng lớn
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

- Khóa bên bánh (Thêm vào Model No -B3)

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 370 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
100	51	243	Nylon	Ổ đũa	S4-4209-829	S4-4208-829	1.90	143	90
125		306			S4-5209-829	S4-5208-829	2.11	165	108
150		370			S4-6209-829	S4-6208-829	2.33	191	127
200		370			S4-8209-829	S4-8208-829	2.83	241	165

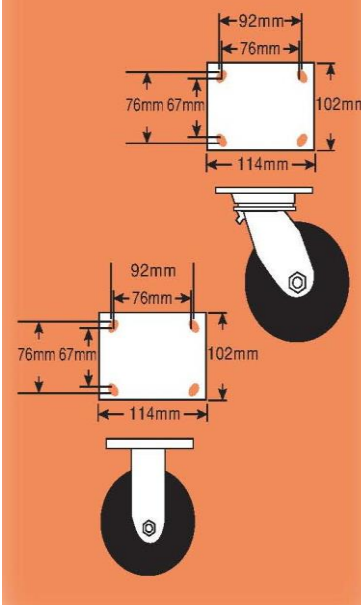


Tải nặng

Lắp tấm: loại xoay & cố định Polyurethane



- Bề dày tấm lắp: 6mm
- Ø lỗ lắp: 11.2mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Tải trọng lớn
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

Khóa bên bánh (Thêm vào Model No –B3

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 370 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
100	51	243	Polyurethane	Ổ bi	S4-4209-925P	S4-4208-925P	1.92	143	90
125		306			S4-5209-925P	S4-5208-925P	2.14	165	108
150		370			S4-6209-925P	S4-6208-925P	2.37	191	127
200		370			S4-8209-925P	S4-8208-925P	2.89	241	165



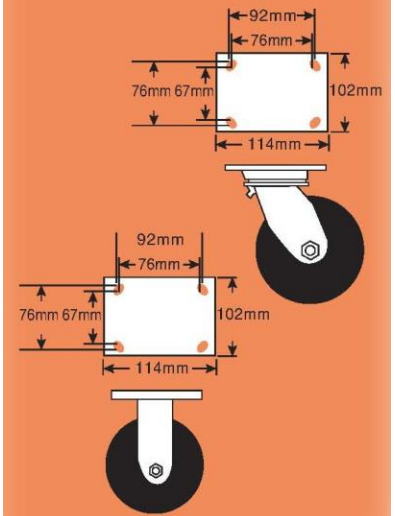
Tải nặng

Lắp tấm: loại xoay & cố định

Lõi Gang -
Vỏ bánh xe PU



- Bề dày tấm lắp: 6mm
- Ø lỗ lắp: 11.2mm



Đặc tính

- Dễ lăn
- Tải trọng lớn
- Chịu mài mòn, va đập
- Chịu ẩm, hóa chất

Lựa chọn

- Khóa bên bánh (Thêm vào Model No –B3

Tải trọng cho mỗi bánh xe – max. 550 kgs

Ø bánh xe (mm)	Bề rộng bánh xe (mm)	Tải trọng mỗi bánh (kg)	Vật liệu bánh xe	Ổ lăn của bánh xe	Model No		Trọng lượng (kg)	Chiều cao chịu tải (mm)	Bán kính xoay (mm)
					Xoay	Cố định			
100	51	315	Gang - Polyurethane	Ổ bi	S4-4209-959	S4-4208-959	2.61	143	90
125		450			S4-5209-959	S4-5208-959	3.00	165	108
150		500			S4-6209-959	S4-6208-959	3.55	191	127
200		550			S4-8209-959	S4-8208-959	4.59	241	165

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG BÁNH XE LOẠI SP

Hãng Colson đảm bảo tất cả bánh xe loại SP được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn chất lượng theo hệ thống tiêu chuẩn của ICMW (Hiệp hội các hãng sản xuất bánh xe đẩy của Hoa Kỳ).

- Càng, thân bánh xe: mạ kẽm để chống rỉ sét và ăn mòn, giữ bề mặt luôn bóng đẹp
- Vật liệu bánh xe: Polyurethane, Polyolefin và Nylon
- Đặc tính: lăn êm, dễ lăn và bảo vệ mặt nền, chịu tải cao và chịu va đập

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KIỂM TRA ĐỘ CHIU ĂN MÒN CỦA LỚP MA KẼM BỀ MẶT CÀNG, THÂN BÁNH XE

- | | |
|---|-----------|
| ▪ Nồng độ NaCl (g/l): | 40 ~ 60 |
| ▪ PH: | 6.5 ~ 7.2 |
| ▪ Lượng nước muối phun (ml/80cm ² /h): | 1.0 ~ 2.0 |
| ▪ Nhiệt độ buồng kiểm tra (°C): | 35 +/- 1 |
| ▪ Độ ẩm buồng kiểm tra (%): | > 85 |

Mẫu kiểm tra được treo trong buồng thử sao cho bề mặt cần kiểm tra nghiêng khoảng 15⁰ ~ 30⁰ so với trục đứng. Phun nước muối liên tục vào bề mặt cần kiểm tra trong suốt 24 giờ. Trên bề mặt thử, phải không có điểm nào bị ăn mòn (hóa màu đỏ). Nếu có, bề mặt đã mạ kẽm không đạt yêu cầu chất lượng.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KIỂM TRA TOÀN BỘ TÍNH NĂNG LÀM VIỆC CỦA BÁNH XE

- | | |
|----------------------------|--------------------|
| ▪ Mức tải thử (tải trung): | 135 kg (300 lbs) |
| ▪ Mức tải thử (tải nặng): | 550 kg (1,200 lbs) |
| ▪ Thời gian thử (giờ): | 10 |
| ▪ Nhiệt độ môi trường(°C): | 25 |
| ▪ Độ ẩm môi trường (%): | 70 |



Lắp bánh xe cần kiểm tra vào thiết bị thử. Sau đó, cho bánh xe chạy trên đường chạy thử có Ø 965mm (38") trong vòng 10 giờ liên tục. Bánh xe sau khi đã thử tải, phải làm việc bình thường, không có bất kỳ bộ phận nào bị biến dạng, mài mòn.



Hãng dẫn đầu toàn cầu về bánh xe đẩy



Colson Brands



Chất lượng

Chất lượng sản phẩm của Colson được bảo đảm đồng bộ, bắt đầu từ bước chọn vật tư theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Sau đó, trong quá trình sản xuất, tất cả các bước, đều được kiểm tra, từ tán ép cố định ổ xoay, lục xiết đai ốc và trục bánh xe, bề dày đến chất lượng mạ của càng bánh xe. Định kỳ một số bánh xe được tiến hành kiểm tra phá hủy tại phòng thí nghiệm đặc biệt của hãng để kiểm tra toàn diện các chỉ tiêu chất lượng. Tất cả các loại xe thoát nhìn bên ngoài đều như nhau, nhưng thực ra chất lượng rất khác nhau do thiết kế, vật tư, linh kiện sử dụng. Bánh xe Colson được đảm bảo chất lượng cao do toàn bộ quá trình được thiết kế đến sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ.

Chủng loại bánh xe

Hãng Colson đang sản xuất và cung cấp 35.000 chủng loại bánh xe khác nhau, từ loại nhỏ cho ghế xoay dân dụng cho đến các loại bánh rất lớn dùng trong công nghiệp, chịu tải đến 2.160kg.

Để đảm bảo cải thiện tính năng làm việc tốt hơn và nâng cao tuổi thọ, độ bền sản phẩm, hãng chúng tôi áp dụng các công nghệ sản xuất hiện đại nhất và sử dụng vật tư tiên tiến nhất.

Dịch vụ

Để chọn chủng loại bánh xe dùng cho công việc nào đó, cần có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn. Xin bạn vui lòng liên hệ với các đại lý phân phối của hãng Colson. Họ sẵn lòng giúp bạn chọn đúng loại bánh xe, cung cấp cho bạn nhanh chóng và đầy đủ thông tin liên quan như đặc tính kỹ thuật, giá cả và thời gian giao hàng.

Hotline : 0909 250 794



Bánh xe đẩy chính hãng Colson Mỹ

409/18E Nguyễn Trọng Tuyển, P. 2,
Q. Tân Bình, TP. HCM

Tel: 0909 250 794

Fax: (8) 3991 9917

E-mail: kdcongnghiep@gmail.com

Website : <https://banhxeday.xyz/>

ICWM
Institute of Castor and Wheel Manufacturers

ISO 9001:2000 Registered



A Colson Associate

Sản phẩm của Colson Caster GZ Ltd.

Tất cả đặc tính kỹ thuật và kích thước đều đang áp dụng cho sản xuất, nhưng có thể được điều chỉnh.

@SP Catalog 0901

**Liên hệ : Huỳnh Hữu Nghĩa – Cel : 0932 097 794 – Email : kdcongnghiep@gmail.com
Website : <https://banhxeday.xyz/>**